

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022

*(thực hiện theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022;
và Hướng dẫn số 2598/BGDĐT-GDDH ngày 20/6/2022
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng Kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo:

- Tên trường: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;
- Sứ mệnh: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) là trường đại học công lập hàng đầu về đào tạo cán bộ pháp luật trong cả nước, cung cấp nguồn lực có chất lượng cao trình độ đại học, trình độ thạc sỹ và trình độ tiến sỹ; là trung tâm nghiên cứu khoa học, trọng tâm là khoa học pháp lý, góp phần xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập quốc tế;

- Mục tiêu: Trường là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành, hiện đại; góp phần giải quyết các vấn đề quan trọng trong khoa học, nhất là khoa học pháp lý; có quan hệ quốc tế rộng rãi; giữ vai trò nòng cốt, là chỗ dựa đáng tin cậy trong quan hệ với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là các cơ sở đào tạo luật ở phía Nam.

2. Mã trường: LPS.

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

- Trụ sở chính (cơ sở 1): số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4;
- Cơ sở 2: số 123 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức;
- Cơ sở 3: Phường Long Phước, TP. Thủ Đức (Quận 9 cũ).

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường: <https://www.hcmulaw.edu.vn>.

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của Trường:

- Facebook Trường: <https://www.facebook.com/hcmulaw>;
- Website tuyển sinh: <https://www.tuyensinh.hcmulaw.edu.vn>;
- Fanpage tuyển sinh: <https://www.facebook.com/tuyensinhhdhluattphcm/>;
- Zalo: <https://zalo.me/dhluattphcm>; số zalo: 0879.5555.14;
- Email: tuvantuyensinh@hcmulaw.edu.vn và tuyensinh@hcmulaw.edu.vn;
- Group facebook “K47 Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh - Tuyển sinh năm 2022”: <https://www.facebook.com/groups/k47daihocluattuyensinhnam2022>;
- Youtube: <https://www.youtube.com/channel/UCRbvVsvf42YoNoh1rBfYWmA>;
- TikTok: <https://www.tiktok.com/@ulawtv>;
- App: ULAW HCMC.

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

- Hotline: 1900.5555.14;
- Hoặc 028.3940.0989 nhánh 220, 221 (Trung tâm Tư vấn tuyển sinh); nhánh 112 (Phòng Đào tạo).

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:

- Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://hcmulaw.edu.vn/vi/viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep>;

- Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm
I. Lĩnh vực Nhân văn (mã lĩnh vực: 722)					
1. Ngôn ngữ Anh K41	Đại học	50	62	37	100,0%
II. Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (mã lĩnh vực: 734)					
1. Quản trị kinh doanh K41	Đại học	100	110	85	94,23%
2. Quản trị - Luật K40	Đại học	100	152	135	90,0%
III. Lĩnh vực Pháp luật (mã lĩnh vực: 738)					
1. Luật K41	Đại học	1.250	1.279	1.203	92,45%
2. Luật Thương mại quốc tế	Đại học	Năm 2016: chưa tuyển sinh			

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất:

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/muc-i8-tuyen-sinh-chinh-quy-nam-2020-va-2021-222.html>.

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

a) Thông tin chung:

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển với xét tuyển
1.	Năm 2020		x	
2.	Năm 2021		x	

b) Thông tin chi tiết:

o Năm 2020: xét tuyển thí sinh dựa vào:

- Kết quả đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm 2019 và năm 2020, đã tốt nghiệp THPT năm 2020;

- Kết quả chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc tiếng Nhật;

- Kết quả thi SAT của Mỹ (Scholastic Assessment Test);

- Kết quả học tập 3 năm THPT tại các trường THPT chuyên, năng khiếu; và các trường THPT thuộc nhóm trường có điểm trung bình thi THPT quốc

gia cao nhất trong các năm 2016, năm 2017 và 2018 theo Danh sách “*Các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển thẳng năm 2020 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*”.

- Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

○ Năm 2021: xét tuyển thí sinh dựa vào:

- Kết quả đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm 2020 và năm 2021, đã tốt nghiệp THPT năm 2021;

- Kết quả chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: tiếng Anh hoặc tiếng Pháp hoặc tiếng Nhật;

- Kết quả thi SAT của Mỹ (Scholastic Assessment Test);

- Kết quả học tập 3 năm THPT tại các trường THPT chuyên, năng khiếu; và các trường THPT thuộc nhóm trường có điểm trung bình thi THPT quốc gia cao nhất theo Danh sách “*Các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển thẳng năm 2021 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*”.

- Kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất:

Stt	Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
			Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
I.	Lĩnh vực Nhân văn		100 chỉ tiêu, trong đó:			100 chỉ tiêu, trong đó:		
	1. Ngành Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển	70	56	23,25	70	66	25,0
	- Tổ hợp D01		10	6	23,5	10	14	26,0
	- Tổ hợp D14		10	11	25,0	10	10	27,5
	- Tổ hợp D66		10	12	24,0	10	5	27,5
	- Tổ hợp D84							
II.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý		150 chỉ tiêu, trong đó:			150 chỉ tiêu, trong đó:		
	1. Ngành QTKD	Xét tuyển	30	30	24,5	30	26	25,25
	- Tổ hợp A00		30	20	23,25	30	23	25,25
	- Tổ hợp A01		60	54	23,5	60	76	D ₀₁ : 25,0; D _{03,06} : 24,5.
	- Tổ hợp D _{01,03,06}		30	31	24,0	30	28	D ₈₄ : 26,75; D _{87,88} : 24,75.
	- Tổ hợp D _{84,87,88}						1	
	- Dự bị đại học Nha Trang và TP. HCM							
	2. Ngành Quản trị-Luật	Xét tuyển	300 chỉ tiêu, trong đó:			300 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A00		60	64	25,0	60	40	25,5
	- Tổ hợp A01		60	53	24,5	60	75	25,5
	- Tổ hợp D _{01,03,06}		120	74	24,5	120	145	D ₀₁ : 25,25; D _{03,06} : 24,5.
	- Tổ hợp D _{84,87,88}		60	90	24,5	60	61	D ₈₄ : 27,75; D _{87,88} : 25,0.

Stt	Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2020			Năm 2021		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
III. Lĩnh vực Pháp luật								
1. Ngành Luật			1.430 chỉ tiêu, trong đó:			1.430 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A00	Xét tuyển	343	257	24,0	286	220	24,5
	- Tổ hợp A01		315	210	22,5	357	275	24,5
	- Tổ hợp C00		272	225	27,0	215	285	27,5
	- Tổ hợp D _{01,03,06}		500	677	22,75	572	641	D ₀₁ : 24,75; D _{03,06} : 24,5.
	- Dự bị đại học Nha Trang và TP. HCM						31	
2. Ngành Luật TMQT			120 chỉ tiêu, trong đó:			120 chỉ tiêu, trong đó:		
	- Tổ hợp A01	Xét tuyển	24	30	26,25	24	30	26,5
	- Tổ hợp D _{01,03,06}		48	67	26,25	48	45	26,5
	- Tổ hợp D _{66,69,70}		24	28	26,5	24	24	D ₆₆ : 28,5; D _{69,70} : 26,5.
	- Tổ hợp D _{84,87,88}		24	30	26,5	24	20	D ₈₄ : 28,5; D _{87,88} : 26,5.
Tổng:			2.100	2.025		2.100	2.141	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/muc-i9-danh-muc-nganh-duoc-phep-dao-tao-223.html>.

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	2497/QĐ-BGDĐT	09/7/2013	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2013	2021
2	Quản trị kinh doanh	7340101	97/QĐ-BGDĐT	06/1/2011	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011	2021
3	Quản trị - Luật	7340102	941/QĐ-BGDĐT và 2358/QĐ-BGDĐT	16/2/2009 và 09/6/2011	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2009	2021
4	Luật	7380101	1234/GD-ĐT	30/3/1996	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1996	2021

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
5	Luật Thương mại quốc tế	7380109	2234/QĐ-BGDĐT	04/7/2016	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2016	2021
6	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	8380102	311/QĐ-BGD&ĐT-SĐH	17/1/2002	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2002	2021
7	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	8380103	1551/QĐ-BGDĐT	22/4/2010	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2010	2021
8	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự	8380104	1675/GD-ĐT	22/5/1997	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1997	2021
9	Luật Kinh tế	8380107	1675/GD-ĐT	22/5/1997	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1997	2021
10	Luật Quốc tế	8380108	3045/QĐ-BGDĐT	26/7/2011	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011	2021
11	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	9380102	242/QĐ-BGDĐT	12/1/2011	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2011	2021
12	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	9380103	2780/QĐ-BGDĐT	12/8/2016	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2017	2021
13	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự	9380104	2370/QĐ-BGD&ĐT	15/5/2006	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2006	2021

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
14	Luật Kinh tế	9380107	803/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	23/2/2004	1670 ^A /QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	2004	2021

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng (thực hiện theo mẫu số 03):

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 (Người học):

Stt	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ ngành	Quy mô đào tạo
A.	Sau đại học		462
1.	Tiến sĩ		82
1.1.	Lĩnh vực Pháp luật		82
1.1.1.	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	9380102	21
1.1.2.	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	9380103	12
1.1.3.	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự	9380104	21
1.1.4.	Luật Kinh tế	9380107	28
2.	Thạc sĩ		380
2.1.	Lĩnh vực Pháp luật		380
2.1.1.	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	8380102	36
2.1.2.	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự	8380103	154
2.1.3.	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự	8380104	40
2.1.4.	Luật Kinh tế	8380107	130
2.1.5.	Luật Quốc tế	8380108	20
B.	Đại học		10.967
3.	Đại học chính quy		8.776
3.1.	Chính quy		8.405
3.1.1.	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Không	Không
3.1.2.	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		8.405
3.1.2.1.	Lĩnh vực Nhân văn		322
	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	322
3.1.2.2.	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý		2.083
	a) Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	697
	b) Ngành Quản trị-Luật	7340102	1.386
3.1.2.3.	Lĩnh vực Pháp luật		6.000
	a) Ngành Luật	7380101	5.522
	b) Ngành Luật Thương mại quốc tế	7380109	478
3.2.	Đối tượng từ trung cấp lên đại học	Không	Không
3.3.	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học	Không	Không

Stt	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ ngành	Quy mô đào tạo
3.4.	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		371
3.4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		371
	Ngành Luật	7380101	371
4.	Đại học vừa làm vừa học		2.191
4.1.	Vừa làm vừa học		1.791
4.1.1.	Lĩnh vực Pháp luật		1.791
	Ngành Luật	7380101	1.791
4.2.	Đối tượng từ trung cấp lên đại học	Không	Không
4.3.	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học	Không	Không
4.4.	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		400
4.4.1.	Lĩnh vực Pháp luật		400
	Ngành Luật	7380101	400
5.	Từ xa	Không	Không
C.	Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non		
6.	Cao đẳng chính quy	Không	Không
7.	Cao đẳng vừa làm vừa học	Không	Không

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

a) Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): **7.196 m²**, trong đó:

+ Cơ sở Nguyễn Tất Thành, Quận 4: 3.569m²;

+ Cơ sở Bình Triệu, TP. Thủ Đức: 3.627m²;

+ Cơ sở Phường Long Phước, TP. Thủ Đức (Quận 9 cũ): 12,8ha.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): **không**.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của

Trường tính trên một sinh viên chính quy:

+ Quy mô chính quy (tính đến ngày 31/12/2021): **8.776** sinh viên;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở

hữu của Trường: **27.879m²**, trong đó:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường	140	15.657
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	09	3.418
1.2.	Phòng học từ 100-200 chỗ	57	7.464
1.3.	Phòng học từ 50-100 chỗ	43	2.861
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	07	490
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	05	360
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của Trường	19	1.064
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	06	4.490
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15	7.732
	Tổng:	161	27.879

+ Diện tích sàn xây dựng/ sinh viên chính quy: **3,18^{m2}/ sinh viên** (27.879^{m2}/ 8.776 sinh viên).

b) Các thông tin khác: *Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị:*

Stt	Tên	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ lĩnh vực/ ngành/ nhóm ngành/
1.	Phòng thực hành tin học	5 phòng	290 máy tính	Lĩnh vực nhân văn; Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý và Lĩnh vực Pháp luật
2.	Phòng thí nghiệm...	Không	Không	

10.3. Danh sách giảng viên (tính đến ngày 31/12/2021)

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian:

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
1.	Trần Hoàng Hải	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
2.	Vũ Văn Nhiêm	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
3.	Hà Thị Thanh Bình	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
4.	Trần Thị Thùy Dương	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
5.	Đỗ Văn Đại	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
6.	Lê Thị Nam Giang	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
7.	Nguyễn Thị Phương Hoa	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
8.	Nguyễn Cảnh Hợp	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
9.	Lê Minh Hùng	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
10.	Đỗ Minh Khôi	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
11.	Phan Nhật Thanh	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật
12.	Lê Trường Sơn		Tiến sĩ	Luật học	Luật
13.	Nguyễn Thị Bích		Tiến sĩ	Luật học	Luật
14.	Lê Vĩnh Châu		Tiến sĩ	Luật học	Luật
15.	Nguyễn Thái Cường		Tiến sĩ	Luật học	Luật
16.	Đặng Tất Dũng		Tiến sĩ	Luật học	Luật
17.	Lê Huỳnh Tân Duy		Tiến sĩ	Luật học	Luật
18.	Đỗ Hải Hà		Tiến sĩ	Luật học	Luật
19.	Nguyễn Thị Hoa		Tiến sĩ	Luật học	Luật
20.	Nguyễn Thị Ánh Hồng		Tiến sĩ	Luật học	Luật
21.	Nguyễn Mạnh Hùng		Tiến sĩ	Luật học	Luật
22.	Phạm Trí Hùng		Tiến sĩ	Luật học	Luật
23.	Lê Thị Thúy Hương		Tiến sĩ	Luật học	Luật
24.	Nguyễn Huỳnh Bảo Khánh		Tiến sĩ	Luật học	Luật
25.	Nguyễn Thị Ngọc Mai		Tiến sĩ	Luật học	Luật
26.	Cao Vũ Minh		Tiến sĩ	Luật học	Luật
27.	Trần Hoàng Nga		Tiến sĩ	Luật học	Luật
28.	Võ Thị Kim Oanh		Tiến sĩ	Luật học	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
29.	Hoàng Thị Tuệ	Phuong	Tiến sĩ	Luật học	Luật
30.	Đặng Anh	Quân	Tiến sĩ	Luật học	Luật
31.	Nguyễn Xuân	Quang	Tiến sĩ	Luật học	Luật
32.	Lương Thị Mỹ	Quỳnh	Tiến sĩ	Luật học	Luật
33.	Trần Thị	Rôi	Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật
34.	Lê Việt	Son	Tiến sĩ	Luật học	Luật
35.	Lưu Quốc	Thái	Tiến sĩ	Luật học	Luật
36.	Phạm	Thái	Tiến sĩ	Luật học	Luật
37.	Lê Nguyên	Thanh	Tiến sĩ	Luật học	Luật
38.	Nguyễn Thị	Thư	Tiến sĩ	Luật học	Luật
39.	Nguyễn Văn	Tiến	Tiến sĩ	Luật học	Luật
40.	Võ Trung	Tín	Tiến sĩ	Luật học	Luật
41.	Nguyễn Thị Thiện	Trí	Tiến sĩ	Luật học	Luật
42.	Đỗ Thanh	Trung	Tiến sĩ	Luật học	Luật
43.	Phan Anh	Tuấn	Tiến sĩ	Luật học	Luật
44.	Phạm Văn	Võ	Tiến sĩ	Luật học	Luật
45.	Lê Tường	Vy	Tiến sĩ	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự	Luật
46.	Nguyễn Phương	An	Thạc sĩ	Luật học	Luật
47.	Nguyễn Phương	Ấn	Thạc sĩ	Luật học	Luật
48.	Hà Ngọc Quỳnh	Anh	Thạc sĩ	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự	Luật
49.	Lê Ngọc	Anh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
50.	Nguyễn Mai	Anh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
51.	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
52.	Nguyễn Tú	Anh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
53.	Lê Nhật	Bảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
54.	Lê Văn	Bích	Thạc sĩ	Tâm lý học	Luật
55.	Đặng Thái	Bình	Thạc sĩ	Luật học	Luật
56.	Nguyễn Ngọc Trân	Châu	Thạc sĩ	Luật học	Luật
57.	Trần Kim	Chi	Thạc sĩ	Luật học	Luật
58.	Đinh Thị	Chiến	Thạc sĩ	Luật học	Luật
59.	Lê Trần Quốc	Công	Thạc sĩ	Luật học	Luật
60.	Nguyễn Thị Kim	Cúc	Thạc sĩ	Luật học	Luật
61.	Vũ Duy	Cương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
62.	Hoàng Thê	Cường	Thạc sĩ	Luật Quốc tế và So sánh	Luật
63.	Hoàng Vũ	Cường	Thạc sĩ	Luật học	Luật
64.	Tăng Thị Bích	Diễm	Thạc sĩ	Luật học	Luật
65.	Nguyễn Thị Thùy	Dung (23/02/91)	Thạc sĩ	Luật học	Luật
66.	Vũ Thị Ngọc	Dung	Thạc sĩ	Luật học	Luật
67.	Lê Thị Thùy	Dương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
68.	Nguyễn Trung	Dương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
69.	Danh Phạm Mỹ	Duyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
70.	Nguyễn Thị Kim	Duyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
71.	Võ Tân	Đào	Thạc sĩ	Luật học	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
72.	Võ Hưng	Đạt	Thạc sĩ	Luật học	Luật
73.	Đình Văn	Đoàn	Thạc sĩ	Luật học	Luật
74.	Nguyễn Hoài	Đông	Thạc sĩ	Triết học	Luật
75.	Trần Thị Thuận	Giang	Thạc sĩ	Luật học	Luật
76.	Vũ Lê Hải	Giang	Thạc sĩ	Luật học	Luật
77.	Lê Thanh	Hà	Thạc sĩ	Luật học	Luật
78.	Nguyễn Hiếu	Hà	Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
79.	Trần Thị Ngọc	Hà	Thạc sĩ	Luật học	Luật
80.	Trần Thị Thu	Hà ⁽¹⁹⁷⁷⁾	Thạc sĩ	Luật học	Luật
81.	Trần Thị Thu	Hà ⁽¹⁹⁸⁷⁾	Thạc sĩ	Luật học	Luật
82.	Nguyễn Tấn Hoàng	Hải	Thạc sĩ	Luật học	Luật
83.	Ngô Thị Minh	Hằng	Thạc sĩ	Ngữ văn	Luật
84.	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Thạc sĩ	Luật học	Luật
85.	Nguyễn Hoàng Phước	Hạnh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
86.	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
87.	Cao Văn	Hào	Thạc sĩ	Luật học	Luật
88.	Phạm Thị	Hiên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
89.	Phan Thị Phương	Hiên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
90.	Lương Minh	Hiếu	Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
91.	Nguyễn Đức	Hiếu	Thạc sĩ	Luật học	Luật
92.	Nguyễn Lê	Hoài	Thạc sĩ	Luật học	Luật
93.	Lê Thị	Hồng	Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật
94.	Trần Linh	Huân	Thạc sĩ	Luật học	Luật
95.	Nguyễn Thị Lan	Hương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
96.	Trần Thị	Hương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
97.	Lê Vũ	Huy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
98.	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Thạc sĩ	Luật học	Luật
99.	Nguyễn Thị Vân	Huyền	Thạc sĩ	Luật học	Luật
100.	Nguyễn Hoàng Thái	Hy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
101.	Nguyễn Nhật	Khanh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
102.	Mai Thị	Lâm	Thạc sĩ	Luật học	Luật
103.	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	Thạc sĩ	Luật học	Luật
104.	Hà Nhật	Linh	Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy	Luật
105.	Trịnh Thị Kim	Loan	Thạc sĩ	Luật học	Luật
106.	Nguyễn Trọng	Luận	Thạc sĩ	Luật học	Luật
107.	Nguyễn Hương	Ly	Thạc sĩ	Luật học	Luật
108.	Nguyễn Thị Bích	Mai	Thạc sĩ	Luật học	Luật
109.	Phạm Thị Tuyết	Mai	Thạc sĩ	Luật học	Luật
110.	Lê Thị	Mận	Thạc sĩ	Luật học	Luật
111.	Đình Hà	Minh	Thạc sĩ	Luật Thương mại	Luật
112.	Trần Quốc	Minh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
113.	Trần Thị Ánh	Minh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
114.	Trần Thị Trúc	Minh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
115.	Trương Thị Tuyết	Minh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
116.	Lê Thị	Mơ	Thạc sĩ	Luật học	Luật
117.	Lê Thị Anh	Nga	Thạc sĩ	Luật học	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
118.	Trần Thị Bảo	Nga	Thạc sĩ	Luật học	Luật
119.	Nguyễn Kim	Ngân	Thạc sĩ	Nhật bản học	Luật
120.	Phan Thị Kim	Ngân	Thạc sĩ	Luật học	Luật
121.	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	Thạc sĩ	Luật học	Luật
122.	Ngô Kim Hoàng	Nguyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
123.	Trịnh Anh	Nguyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
124.	Huỳnh Thị Hồng	Nhiên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
125.	Lê Minh	Nhật	Thạc sĩ	Luật học	Luật
126.	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Thạc sĩ	Luật Quốc tế và So sánh	Luật
127.	Xa Kiều	Oanh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
128.	Lê Hà Huy	Phát	Thạc sĩ	Luật học	Luật
129.	Lê Tân	Phát	Thạc sĩ	Luật học	Luật
130.	Dương Hồng Thị Phi	Phi	Thạc sĩ	Luật học	Luật
131.	Đặng Thị Thanh	Phúc	Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
132.	Mai Khắc	Phúc	Thạc sĩ	Luật học	Luật
133.	Trương Tư	Phước	Thạc sĩ	Luật học	Luật
134.	Huỳnh Minh	Phương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
135.	Lê Đức	Phương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
136.	Lê Thị Diễm	Phương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
137.	Phạm Duy	Quang	Thạc sĩ	Luật học	Luật
138.	Nguyễn Thanh	Quyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
139.	Vũ Thị	Quyên	Thạc sĩ	Luật học	Luật
140.	Lường Minh	Sơn	Thạc sĩ	Luật học	Luật
141.	Hoàng Thị Minh	Tâm	Thạc sĩ	Luật học	Luật
142.	Dũng Thị Mỹ	Thắm	Thạc sĩ	Luật học	Luật
143.	Nguyễn Nhật	Thanh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
144.	Phùng Hồng	Thanh	Thạc sĩ	Luật học	Luật
145.	Bùi Thị Thanh	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
146.	Lê Thị Thu	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
147.	Nguyễn Phương	Thảo ⁽¹⁹⁸⁹⁾	Thạc sĩ	Luật học	Luật
148.	Nguyễn Phương	Thảo ⁽¹⁹⁹²⁾	Thạc sĩ	Luật học	Luật
149.	Nguyễn Phương	Thảo ⁽¹⁹⁹³⁾	Thạc sĩ	Luật học	Luật
150.	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
151.	Phạm Thị Phương	Thảo ⁽¹⁹⁸⁴⁾	Thạc sĩ	Luật học	Luật
152.	Phạm Thị Phương	Thảo ⁽¹⁹⁸⁹⁾	Thạc sĩ	Luật học	Luật
153.	Phan Nguyễn Phương	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
154.	Trần Thanh	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
155.	Từ Thanh	Thảo	Thạc sĩ	Luật học	Luật
156.	Ngô Đình	Thiện	Thạc sĩ	Luật học	Luật
157.	Nguyễn Thị Hoài	Thu	Thạc sĩ	Luật học	Luật
158.	Huỳnh Quang	Thuận	Thạc sĩ	Luật học	Luật
159.	Nguyễn Thị	Thương	Thạc sĩ	Luật học	Luật
160.	Nguyễn Đào Phương	Thúy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
161.	Nguyễn Thị	Thúy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
162.	Phạm Thị	Thúy	Thạc sĩ	Luật học	Luật
163.	Hoàng Thị Biên	Thùy	Thạc sĩ	Luật học	Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học	
164.	Trương Thị Minh	Thùy		Thạc sĩ	Luật học	Luật
165.	Mai Thị	Thùy		Thạc sĩ	Luật học	Luật
166.	Lê Nguyễn Thảo	Thy		Thạc sĩ	Giáo dục học	Luật
167.	Nguyễn Trương	Tín		Thạc sĩ	Luật học	Luật
168.	Nguyễn Thị Hoài	Trâm		Thạc sĩ	Luật học	Luật
169.	Nguyễn Thị Minh	Trâm		Thạc sĩ	Luật học	Luật
170.	Đặng Hoa	Trang		Thạc sĩ	Luật học	Luật
171.	Đặng Thị Thu	Trang		Thạc sĩ	Luật học	Luật
172.	Huỳnh Thị Thu	Trang		Thạc sĩ	Luật So sánh	Luật
173.	Nguyễn Hoàng Thùy	Trang		Thạc sĩ	Luật học	Luật
174.	Trần Ngọc Lan	Trang		Thạc sĩ	Luật học	Luật
175.	Lê Văn	Tranh		Thạc sĩ	Luật học	Luật
176.	Nguyễn Văn	Trí		Thạc sĩ	Luật học	Luật
177.	Trần Quang	Trung		Thạc sĩ	Luật học	Luật
178.	Nguyễn Hữu	Túc		Thạc sĩ	Xã hội học	Luật
179.	Đặng Lê Phương	Uyên		Thạc sĩ	Luật học	Luật
180.	Đặng Nguyễn Phương	Uyên		Thạc sĩ	Luật học	Luật
181.	Lê Thị Hồng	Vân ⁽¹⁹⁸²⁾		Thạc sĩ	Luật học	Luật
182.	Ngô Thị Anh	Vân		Thạc sĩ	Luật học	Luật
183.	Hoàng	Việt		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật
184.	Nguyễn Tuấn	Vũ		Thạc sĩ	Luật học	Luật
185.	Đào Thị	Vui		Thạc sĩ	Luật học	Luật
186.	Đặng Huỳnh Thiên	Vy		Thạc sĩ	Luật học	Luật
187.	Ngô Nguyễn Thảo	Vy		Thạc sĩ	Luật học	Luật
188.	Đoàn Công	Yên		Thạc sĩ	Luật học	Luật
189.	Nguyễn Hoàng	Yên		Thạc sĩ	Luật học	Luật
190.	Nguyễn Bá	Anh		Đại học	Công nghệ thông tin	Luật
191.	Lý Thành	Nhân		Đại học	Luật học	Luật
192.	Nguyễn Thảo Lâm	Viên		Đại học	Luật học	Luật
193.	Trần Việt	Dũng	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Luật TMQT
194.	Lê Thị Ngọc	Hà		Tiến sĩ	Luật học	Luật TMQT
195.	Đỗ Thị Mai	Hạnh		Tiến sĩ	Luật học	Luật TMQT
196.	Lê Thế	Tài		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam	Luật TMQT
197.	Lê Thị Hồng	Vân ⁽¹⁹⁶³⁾		Tiến sĩ	Ngữ văn	Luật TMQT
198.	Chung Lê Hồng	Ấn		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
199.	Trần Nhân	Chính		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
200.	Lê Thị Trường	Giang		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	Luật TMQT
201.	Trần Ngọc	Hà		Thạc sĩ	Luật Quốc tế và So sánh	Luật TMQT
202.	Nguyễn Thị	Hằng		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
203.	Hà Thị	Hạnh		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
204.	Nguyễn Xuân Mỹ	Hiền		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
205.	Nguyễn Ngọc Hồng	Phượng		Thạc sĩ	Luật học	Luật TMQT
206.	Lê Minh	Tuyền		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Luật TMQT
207.	Ngô Thị Kim	Hoàng		Đại học	Luật học	Luật TMQT
208.	Trần Thăng	Long	PGS	Tiến sĩ	Luật Quốc tế	Ngôn ngữ Anh
209.	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		Tiến sĩ	Luật học	Ngôn ngữ Anh

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
210.	Phạm Thị Phương Anh		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
211.	Phan Lê Chi		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ Anh
212.	Phạm Thị Thùy Dung		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
213.	Nhâm Thành Lập		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
214.	Trần Hoàng Tú Linh		Thạc sĩ	Luật học	Ngôn ngữ Anh
215.	Phan Tuấn Ly		Thạc sĩ	Luật học	Ngôn ngữ Anh
216.	Nguyễn Vũ Pha Phim		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	Ngôn ngữ Anh
217.	Nguyễn Thị Mai Phương		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
218.	Nguyễn Thái Sơn		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
219.	Trần Ngọc Lương Tuyền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ Anh
220.	Nguyễn Thị Thủy	PGS	Tiến sĩ	Luật học	QTKD
221.	Nguyễn Quyết Chiến		Tiến sĩ	Kinh tế	QTKD
222.	Nguyễn Minh Đạt		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	QTKD
223.	Hoàng Văn Long		Tiến sĩ	Kinh tế học	QTKD
224.	Lương Công Nguyên		Tiến sĩ	Khoa học và Kỹ thuật quản lý	QTKD
225.	Nguyễn Xuân Tùng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	QTKD
226.	Vũ Thị Thanh Vân		Tiến sĩ	Luật học	QTKD
227.	Trần Ngọc Anh		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam	QTKD
228.	Đặng Quốc Chương		Thạc sĩ	Luật học	QTKD
229.	Phạm Văn Đình		Thạc sĩ	Giáo dục học	QTKD
230.	Lê Thị Ngân Hà		Thạc sĩ	Luật học	QTKD
231.	Nguyễn Thị Phương Hà		Thạc sĩ	Luật học	QTKD
232.	Phạm Thị Minh Hải		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	QTKD
233.	Nguyễn Hoàng Phước Hiền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	QTKD
234.	Nguyễn Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Luật Quốc tế và So sánh	QTKD
235.	Trần Minh Hiệp		Thạc sĩ	Luật học	QTKD
236.	Ngô Gia Hoàng		Thạc sĩ	Luật học	QTKD
237.	Nguyễn Văn Hùng		Thạc sĩ	Luật học	QTKD
238.	Đỗ Nguyễn Hữu Tân		Thạc sĩ	Kê toán và tài chính	QTKD
239.	Phạm Thị Ngọc Thủy		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	QTKD
240.	Bùi Xuân Hải	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
241.	Phan Huy Hồng	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
242.	Phạm Đình Nghiêm	PGS	Tiến sĩ	Triết học	Quản trị - Luật
243.	Nguyễn Văn Vân	PGS	Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
244.	Phan Thị Thành Dương		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
245.	Nguyễn Thanh Hải		Tiến sĩ	Triết học	Quản trị - Luật

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
246.	Nguyễn Hồ Bích Hằng		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
247.	Đặng Thanh Hoa		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
248.	Phan Hoài Nam		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
249.	Phan Phương Nam		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
250.	Lê Nết		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
251.	Lê Thị Minh Ngọc		Tiến sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
252.	Nguyễn Thị Hải Vân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
253.	Nguyễn Quốc Vinh		Tiến sĩ	Triết học	Quản trị - Luật
254.	Vũ Thanh An		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị - Luật
255.	Nguyễn Phan Vân Anh		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
256.	Nguyễn Thanh Hoàng Anh		Thạc sĩ	Kinh doanh và Q/ly	Quản trị - Luật
257.	Hồ Hoàng Gia Bảo		Thạc sĩ	Tài chính và vận tải biển quốc tế	Quản trị - Luật
258.	Nguyễn Thị Thùy Dung (23/10/91)		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
259.	Nguyễn Thị Ngọc Duyên		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Quản trị - Luật
260.	Hoàng Hương Giang		Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị - Luật
261.	Ngô Huỳnh Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
262.	Nguyễn Tất Hào		Thạc sĩ	Giáo dục học	Quản trị - Luật
263.	Nguyễn Bá Hoàng		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị - Luật
264.	Vũ Đức Nghĩa Hưng		Thạc sĩ	Tài chính và thương mại quốc tế	Quản trị - Luật
265.	Nguyễn Thanh Khương		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Quản trị - Luật
266.	Hà Thị Thanh Mai		Thạc sĩ	Marketing	Quản trị - Luật
267.	Vũ Quang Mạnh		Thạc sĩ	Tài chính và ngân hàng	Quản trị - Luật
268.	Nguyễn Thị Ngọc		Thạc sĩ	Tài Chính	Quản trị - Luật
269.	Trần Thùy Nhung		Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị - Luật
270.	Nguyễn Quốc Ninh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
271.	Lê Hoàng Phong		Thạc sĩ	Tài chính và ngân hàng	Quản trị - Luật
272.	Nguyễn Quốc Phong		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị - Luật
273.	Nghiêm Thị Vân Thanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị - Luật
274.	Trần Văn Thượng		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
275.	Hoàng Thị Thúy		Thạc sĩ	Toán học ứng dụng	Quản trị - Luật
276.	Nguyễn Trọng Tín		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Quản trị - Luật
277.	Phạm Thị Minh Trang		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
278.	Nguyễn Trần Bảo Uyên		Thạc sĩ	Luật học	Quản trị - Luật
Tổng số giảng viên toàn trường: 278, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Phó Giáo sư: 18; - Tiến sĩ: 55; - Thạc sĩ: 201; - Đại học: 4. 					

b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học:

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy đại học
1.	Nguyễn Hoàng Anh	Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại TP. HCM		Tiến sĩ	Luật, Triết học	Triết học, Chủ nghĩa XHKH, Kinh tế chính trị
2.	Huỳnh Văn Em	Khoa nghiệp vụ cơ bản, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân II		Tiến sĩ	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	Luật
3.	Nguyễn Hữu Thế Trạch	Văn phòng Luật sư Thế Nguyễn và cộng sự		Tiến sĩ	Luật	Luật
4.	Lê Thái Hùng	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng		Thạc sĩ	GDTC	Giáo dục thể chất
5.	Đình Thị Quỳnh Như	Công ty Luật TNHH MTV An Luật		Thạc sĩ	Luật	- Luật; - Quản trị-Luật; - Luật Thương mại quốc tế
6.	Trần Thị Ngọc Nữ	Hội Bảo vệ quyền trẻ em TP. Hồ Chí Minh		Thạc sĩ	Luật	- Luật; - Quản trị-Luật; - Luật Thương mại quốc tế
7.	Nguyễn Thanh Thanh	Công ty Luật TNHH Thanh và Cộng sự		Thạc sĩ	Luật	- Luật; - Quản trị-Luật; - Luật Thương mại quốc tế
8.	Đoàn Nhật Thi	Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại TP. HCM		Thạc sĩ	Triết học	Triết học, Chủ nghĩa XHKH, Kinh tế chính trị
9.	Kiều Anh Vũ	Công ty Luật TNHH KAV Lawyers		Thạc sĩ	Luật	- Luật; - Quản trị-Luật; - Luật Thương mại quốc tế
Tổng số giảng viên thỉnh giảng: 9, trong đó:						
- Tiến sĩ: 3;						
- Thạc sĩ: 6.						

10.4. Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/muc-i104-cac-dieu-kien-dam-bao-chat-luong-224.html>.

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường: <http://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/de-an-tuyen-sinh/muc-i11-de-an-tuyen-sinh-2022-220.html>.

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên trang thông tin điện tử của Trường: Theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT thì năm 2022 Trường được phép “chưa xây dựng” Quy chế tuyển sinh.

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên trang thông tin điện tử của Trường (nếu Trường có tổ chức thi): Nhà trường không tổ chức thi riêng.

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi tuyển sinh của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên trang thông tin điện tử của Trường (nếu Trường có tổ chức thi): Nhà trường không tổ chức thi riêng.

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

2.1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học

2.1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

- Thực hiện theo Điều 5 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), theo đó điều kiện để thí sinh dự tuyển là: đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

- Ngoài ra, đối với phương thức “xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển” và “xét tuyển sớm” thì để được dự tuyển, thí sinh còn phải đạt các điều kiện theo quy định tại mục 2.1.3.

2.1.2. Phạm vi tuyển sinh:

- Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại mục 2.1.1;

- Các ngành được phép tuyển sinh và đào tạo tại mục I.9. được thực hiện bằng phương thức xét tuyển theo quy định tại mục 2.1.3.

2.1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): xét tuyển theo 2 phương thức:

a) **Phương thức 1** (“xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển” và “xét tuyển sớm” theo Đề án tuyển sinh của Trường): **tối đa 35%/ tổng chỉ tiêu**, cho 3 đối tượng:

● Đối tượng “xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển” theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là **đối tượng 1**):

- Thí sinh thuộc diện “được tuyển thẳng” theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã tốt nghiệp THPT;

- Thí sinh thuộc diện “được xét tuyển thẳng” vào các ngành phù hợp với môn đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc

tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm, tính đến ngày 15/7/2022; và **đã tốt nghiệp THPT trong năm 2022**. Cụ thể như sau:

+ *Môn Văn, Toán và tiếng Anh*: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật, ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh;

+ *Môn tiếng Nhật và tiếng Pháp*: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật và ngành Luật Thương mại quốc tế;

+ *Môn Lý*: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật và ngành Luật Thương mại quốc tế;

+ *Môn Hóa*: đối với ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Luật;

+ *Môn Sử*: đối với ngành Luật và ngành Ngôn ngữ Anh;

+ *Môn Địa*: đối với ngành Luật.

● **Đối tượng có chứng chỉ quốc tế (tiếng Anh/ hoặc tiếng Pháp/ hoặc tiếng Nhật; kết quả thi SAT (Scholastic Assessment Test) của Mỹ) thuộc diện “xét tuyển sớm”** theo Đề án tuyển sinh của Trường (sau đây gọi tắt là **đối tượng 2**): thí sinh phải đáp ứng đủ 2 điều kiện sau:

- *Thứ nhất*, có trình độ ngoại ngữ quốc tế/ hoặc có kết quả thi SAT đạt tối thiểu như sau:

+ Đối với tiếng Anh: **IELTS đạt điểm từ 5,0** trở lên (do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp); hoặc **TOEFL iBT đạt điểm từ 65** trở lên (do Educational Testing Service (ETS) cấp);

+ Đối với tiếng Pháp: chứng chỉ **DELFB đạt từ trình độ B1** trở hoặc chứng chỉ **TCF đạt điểm từ 300 trở lên/ kỹ năng** trở lên. Hai loại chứng chỉ này phải do Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d’Etudes Pedagogiques - CIEP) cấp;

+ Đối với tiếng Nhật: chứng chỉ **JLPT đạt từ trình độ N3** trở lên (do Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation - JF) cấp, trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật);

+ Đối với bài thi SAT của Mỹ: **đạt điểm từ 1.100/1.600** trở lên.

Lưu ý: những chứng chỉ nêu trên nếu có quy định về thời hạn thì phải còn giá trị **đến ngày 30/6/2022**.

- *Thứ hai*, có **điểm trung bình** của 5 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12) của 03 môn thuộc Tổ hợp đăng ký xét tuyển **đạt tổng điểm từ 21,0 trở lên** (điểm trung bình của 5 học kỳ THPT được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân).

• Đối tượng đạt học sinh giỏi tại các trường THPT thuộc diện “xét tuyển sớm” theo Đề án tuyển sinh của Trường (sau đây gọi tắt là **đối tượng 3**): thí sinh phải đáp ứng đủ 3 điều kiện sau:

- Thứ nhất, phải theo học tại trường có tên trong “*Danh sách các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển sớm năm 2022 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*”;

- Thứ hai, có kết quả học tập của từng năm Lớp 10, 11 và 12 đạt **loại giỏi**;

- Thứ ba, có điểm trung bình của 5 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và học kỳ 1 năm Lớp 12) của 03 môn thuộc Tổ hợp đăng ký xét tuyển **đạt tổng điểm từ 24,0 trở lên** (điểm trung bình của 5 học kỳ THPT được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân).

b) Phương thức 2 (xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022):

- Chỉ tiêu xét tuyển: **tối thiểu là 65%/tổng chỉ tiêu**;

- Đối tượng: dành cho thí sinh đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại mục 2.1.1 nêu trên;

- Cách thức và thời hạn đăng ký xét tuyển:

+ Thí sinh thực hiện việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia từ ngày 22/7 đến 17g00’ ngày 20/8/2022;

+ Thí sinh **được phép** dùng một tổ hợp để đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào các ngành đào tạo của Trường cũng như **được phép** dùng nhiều tổ hợp để đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào một ngành đào tạo của Trường;

+ Thí sinh phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

- Trường không sử dụng kết quả miễn thi đối với môn thi ngoại ngữ trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT; không sử dụng điểm thi trong Kỳ thi THPT quốc gia, Kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước để xét tuyển.

Lưu ý: Trường hợp tuyển sinh theo Phương thức 1 chưa hết chỉ tiêu (hoặc tuyển dư chỉ tiêu, tối đa không quá 5%) thì số chỉ tiêu còn lại sẽ được chuyển sang Phương thức 2 (hoặc sẽ điều chỉnh giảm chỉ tiêu của Phương thức 2 tương ứng với số chỉ tiêu tuyển vượt của Phương thức 1, tối đa không quá 5%).

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành/ nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):

Stt	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1.	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi TN THPT	70	D01	Văn	D14	Văn	D66	Văn	D84	Toán
			301	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế	30	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		D01	Văn	D14	Văn	D66	Văn	D84	Toán
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế		D01	Văn	D14	Văn	D66	Văn	D84	Toán
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi TN THPT	97	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Văn	D84, D87, D88	Toán
			301	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế	53	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022							
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường		A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Văn	D84, D87, D88	Toán
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế		A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Văn	D84, D87, D88	Toán

¹ Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

Stt	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
3.	7340102	Quản trị Luật	100	Xét kết quả thi TN THPT	195	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Văn	D84, D87, D88	Toán	
			301	Xét tuyển thắng theo Điều 8 của Quy chế	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022									
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	105	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Văn	D84, D87, D88	Toán	
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00	Toán	A01	Toán	D01, D03, D06	Văn	D84, D87, D88	Toán		
4.	7380101	Luật	100	Xét kết quả thi TN THPT	929	A00	Toán	A01	Toán	C00	Văn	D01, D03, D06	Văn	
			301	Xét tuyển thắng theo Điều 8 của Quy chế	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022									
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	501	A00	Toán	A01	Toán	C00	Văn	D01, D03, D06	Văn	
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00	Toán	A01	Toán	C00	Văn	D01, D03, D06	Văn		

Stt	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chi tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4		
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
5.	7380109	Luật Thương mại quốc tế	100	Xét kết quả thi TN THPT	78	A01	Toán	D01, D03, D06	Văn	D66, D69, D70	Văn	D84, D87, D88	Toán	
			301	Xét tuyển thẳng theo Điều 8 của Quy chế	Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022									
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	42	A01	Toán	D01, D03, D06	Văn	D66, D69, D70	Văn	D84, D87, D88	Toán	
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A01	Toán	D01, D03, D06	Văn	D66, D69, D70	Văn	D84, D87, D88	Toán		

2.1.5. Ngưỡng đầu vào:

- Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*), Hướng dẫn số 2598/BGDĐT-GDDH ngày 20/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường;

- Đối với thí sinh tham gia dự tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 thì ngưỡng đầu vào (*tức mức điểm nhận hồ sơ đăng ký nguyện vọng xét tuyển*) sẽ được Trường thông báo ngay sau khi các Hội đồng thi công bố kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

2.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường (mã trường; mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển; mã phương thức xét tuyển; tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển):

a) Mã trường (ký hiệu trường): **LPS**; tên trường: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;

b) Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển (*mã tuyển sinh các ngành đào tạo*) và tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển (*tên tuyển sinh các ngành đào tạo*); mã phương thức xét tuyển và tên phương thức xét tuyển; mã tổ hợp xét tuyển và tên tổ hợp xét tuyển:

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức	Tên phương thức	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp
1.	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D14	Văn, Lịch sử, tiếng Anh
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế	-	-
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D14	Văn, Lịch sử, tiếng Anh
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
					D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	D01	Văn, Toán, tiếng Anh
					D14	Văn, Lịch sử, tiếng Anh
					D66	Văn, Giáo dục công dân, tiếng Anh
D84	Toán, Giáo dục công dân, tiếng Anh					
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
					D _{84,87,88}	Toán, GDCD, Ngoại ngữ (D84 : tiếng Anh, D87 : tiếng Pháp, D88 : tiếng Nhật)
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế	-	-
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
					D _{84,87,88}	Toán, GDCD, Ngoại ngữ (D84 : tiếng Anh, D87 : tiếng Pháp, D88 : tiếng Nhật)
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
					D _{84,87,88}	Toán, GDCD, Ngoại ngữ (D84 : tiếng Anh, D87 : tiếng Pháp, D88 : tiếng Nhật)

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức	Tên phương thức	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp
3.	7340102	Quản trị - Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
					D _{84,87,88}	Toán, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D84 : tiếng Anh, D87 : tiếng Pháp, D88 : tiếng Nhật)
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh	-	-
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
					D _{84,87,88}	Toán, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D84 : tiếng Anh, D87 : tiếng Pháp, D88 : tiếng Nhật)
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
D _{84,87,88}	Toán, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D84 : tiếng Anh, D87 : tiếng Pháp, D88 : tiếng Nhật)					
4.	7380101	Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					C00	Văn, Sử, Địa
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
			301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh	-	-
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					C00	Văn, Sử, Địa
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A00	Toán, Lý, Hóa
					A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					C00	Văn, Sử, Địa
D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)					

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức	Tên phương thức	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp
5.	7380109	Luật Thương mại quốc tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
					D _{66,69,70}	Văn, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D66 : tiếng Anh, D69 : tiếng Nhật, D70 : tiếng Pháp)
					D _{84,87,88}	Toán, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D84 : tiếng Anh, D87 : tiếng Pháp, D88 : tiếng Nhật)
					-	-
					-	-
			303	Xét tuyển sớm theo Đề án của Trường	A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
					D _{66,69,70}	Văn, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D66 : tiếng Anh, D69 : tiếng Nhật, D70 : tiếng Pháp)
					D _{84,87,88}	Toán, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D84 : tiếng Anh, D87 : tiếng Pháp, D88 : tiếng Nhật)
			410	Kết hợp kết quả học tập THPT với chứng chỉ quốc tế	A01	Toán, Lý, tiếng Anh
					D _{01,03,06}	Văn, Toán, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật)
D _{66,69,70}	Văn, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D66 : tiếng Anh, D69 : tiếng Nhật, D70 : tiếng Pháp)					
D _{84,87,88}	Toán, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ (D84 : tiếng Anh, D87 : tiếng Pháp, D88 : tiếng Nhật)					

c) Nguyên tắc đăng ký xét tuyển, số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển; và nguyên tắc xét đủ điều kiện trúng tuyển dựa vào đối tượng xét tuyển mà thí sinh đăng ký (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT):

- Nguyên tắc đăng ký nguyện vọng xét tuyển và số lượng nguyện vọng được đăng ký xét tuyển:

- Đối với thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo Phương thức 1 (“*xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển*” và “*xét tuyển sớm*” theo Đề án tuyển sinh của Trường):

- + Thí sinh đã đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo phương thức “*xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển*” (tức đã đăng ký theo đối tượng 1) thì **không được** đăng ký theo phương thức “*xét tuyển sớm*” (tức không được đăng ký đối tượng 2 và/hoặc đối tượng 3);

+ Thí sinh đủ điều kiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo đối tượng 2 và đối tượng 3 **thì được quyền** đăng ký dự tuyển cả hai đối tượng;

+ Thí sinh thuộc đối tượng 1 được đăng ký **tối đa 5 (năm)** nguyện vọng; thí sinh thuộc đối tượng 2 và/hoặc đối tượng 3 được đăng ký **không hạn chế số lượng nguyện vọng**; các nguyện vọng của thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành đào tạo của Trường theo Phương thức 1 được xếp thứ tự từ 1 đến hết (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

- Đối với thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển theo Phương thức 2 (*xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022*):

+ Thí sinh phải ghi đúng, đầy đủ thông tin về mã ngành và tên ngành; mã phương thức và tên phương thức; mã tổ hợp và tên tổ hợp vào từng nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Thí sinh **không bị hạn chế** số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển;

+ Thí sinh được điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển **không giới hạn số lần**;

+ Thí sinh **phải xác nhận** “số lượng nguyện vọng và thứ tự nguyện vọng” trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đồng thời **phải nộp lệ phí xét tuyển** theo số lượng nguyện vọng đã đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến trong thời hạn quy định (**từ ngày 21/8 đến 17g00’ ngày 28/8/2022**). Trường hợp thí sinh **chưa xác nhận** “số lượng nguyện vọng và thứ tự nguyện vọng” hoặc chưa nộp “lệ phí xét tuyển” thì Hệ thống **chưa chấp nhận** việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển của thí sinh.

● Nguyên tắc xét đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT):

- Đối với thí sinh **chỉ đăng ký xét tuyển** theo đối tượng 1 hoặc đối tượng 2 hoặc đối tượng 3: trường hợp có nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển thì thí sinh được Trường công nhận và công bố trúng tuyển (dự kiến) **theo nguyện vọng cao nhất**;

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển theo đối tượng 2 và đối tượng 3: trường hợp có nhiều nguyện vọng thuộc đối tượng 2 và đối tượng 3 **cùng đủ điều kiện trúng tuyển** thì thí sinh được Trường công nhận và công bố trúng tuyển (dự kiến) **theo nguyện vọng cao nhất của đối tượng 2**;

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022: việc xét điều kiện trúng tuyển và xử lý nguyện vọng trúng tuyển được thực hiện trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Nguyên tắc xét trúng tuyển (*quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển*):

- Tất cả các nguyện vọng xét tuyển của thí sinh được đăng ký theo Phương thức 1 và Phương thức 2 đều được xử lý nguyện vọng trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo; và mỗi thí sinh chỉ trúng tuyển 1 nguyện vọng cao nhất trong số các nguyện vọng đã đăng ký khi đảm bảo điều kiện trúng tuyển;

- Thí sinh đã hoàn thành việc dự tuyển vào Trường theo Phương thức 1, nếu được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển và vẫn còn nguyện vọng theo học tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thì thí sinh **phải đăng ký** nguyện vọng này ở thứ tự ưu tiên cao nhất (tức phải đăng ký ở nguyện vọng 1) trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo để được xét trúng tuyển chính thức;

- Đối với thí sinh thuộc diện **đối tượng 1**: sẽ được Trường xét trúng tuyển vào ngành mà thí sinh đăng ký xét tuyển ở nguyện vọng 1;

- Đối với thí sinh thuộc diện **đối tượng 2**: khi có thí sinh đạt đủ các điều kiện theo quy định tại “mục 2.1.3.a” nhiều hơn so với tổng chỉ tiêu của Phương thức 1, Trường sẽ xét trúng tuyển theo theo thứ tự ưu tiên:

(i) Điểm của Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và/hoặc điểm thi SAT;

(ii) Điểm trung bình của 5 học kỳ THPT của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (*được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*);

(iii) Điểm trung bình của 5 học kỳ THPT **của môn chính** thuộc tổ hợp xét tuyển; riêng Tổ hợp D00 thì môn chính là Ngữ văn.

- Đối với thí sinh thuộc diện **đối tượng 3**: khi có thí sinh đạt đủ các điều kiện theo quy định tại “mục 2.1.3.a” nhiều hơn so với tổng chỉ tiêu của Phương thức 1, Trường sẽ xét trúng tuyển theo theo thứ tự ưu tiên:

(i) Điểm trung bình cộng của 3 năm Lớp 10, 11 và 12 (*được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*);

(ii) Điểm trung bình của 5 học kỳ THPT của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (*được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân*);

(iii) Điểm trung bình của 5 học kỳ THPT **của môn chính** thuộc tổ hợp xét tuyển; riêng Tổ hợp D00 thì môn chính là Ngữ văn.

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022:

+ Điểm trúng tuyển được xác định theo nguyện vọng đăng ký “từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu” để số lượng tuyển được theo từng ngành phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố tại mục 2.1.4 và không thấp hơn “ngưỡng đầu vào” theo quy định tại mục 2.1.5; điểm trúng tuyển được xét chọn bình đẳng theo điểm xét, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký giữa các thí sinh;

+ Điểm xét trúng tuyển được Trường xác định theo ngành và theo từng tổ hợp môn xét tuyển;

+ Điểm xét trúng tuyển khi công bố đã bao gồm điểm “ưu tiên theo khu vực” và “ưu tiên theo đối tượng chính sách” theo quy định của Quy chế tuyển sinh.

2.1.7. Tổ chức tuyển sinh (thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển):

a) Thành phần hồ sơ thí sinh phải chuẩn bị:

● Đối với Phương thức 1:

- Thí sinh thuộc diện **đối tượng 1**: chuẩn bị các loại giấy tờ sau:

+ Bản chính Giấy chứng nhận đoạt giải học sinh giỏi quốc gia;

+ Bản chính CMND/ CCCD.

- Thí sinh thuộc diện **đối tượng 2**: chuẩn bị các loại giấy tờ sau:

+ Bản chính Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và/hoặc kết quả thi

SAT;

+ Bản chính “Học bạ trung học phổ thông” (có đủ điểm của 5

học kỳ) hoặc “Bảng xác nhận kết quả học tập trung học phổ thông của từng môn học” (có đủ điểm của 5 học kỳ) do Trường THPT thí sinh đang theo học cấp;

+ Bản chính CMND/ CCCD.

- Thí sinh thuộc diện **đối tượng 3**: chuẩn bị các loại giấy tờ sau:

+ Bản chính “Học bạ trung học phổ thông” (có đủ điểm của 6 học kỳ) hoặc “Bảng xác nhận kết quả học tập trung học phổ thông của từng môn học” (có đủ điểm của 6 học kỳ) do Trường THPT thí sinh đang theo học cấp;

+ Bản chính CMND/ CCCD.

- **Một số lưu ý**: các loại giấy tờ bản chính nêu trên, thí sinh chỉ cần chụp hình hoặc scan bản chính (không phải công chứng hoặc chứng thực). Hình ảnh chụp hoặc scan phải đảm bảo rõ nét và đầy đủ thông tin của bản chính.

+ Thí sinh phải chuyển các loại giấy tờ đã chụp hình hoặc scan bản chính **thành file ảnh**; mỗi loại giấy tờ tương ứng với **01 file ảnh**, được định dạng dưới dạng file: **png hoặc jpg**, với kích thước mỗi file tối đa: **10 Mb**;

+ Thí sinh lưu các file ảnh này theo đúng cú pháp như sau: **“CMND/CCCC_Họ và tên thí sinh_Tên của loại giấy tờ”**. Ví dụ: **[042084000123_Nguyễn Văn A_Học bạ THPT]**.

● Đối với Phương thức 2: thí sinh chuẩn bị các loại giấy tờ theo quy định và thực hiện việc khai báo đầy đủ, đảm bảo tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, đặc biệt là thông tin “ưu tiên theo khu vực” và “ưu tiên theo đối tượng” (nếu có) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Thời gian, điều kiện và cách thức thí sinh đăng ký xét tuyển:

- Thời gian thí sinh đăng ký xét tuyển:

- Đối với Phương thức 1: từ 08g00' ngày 23/5/2022 (thứ 2) đến hết ngày 22/6/2022 (thứ 4); riêng đối với thí sinh thuộc diện **đối tượng 1** là đến 17g00' ngày 15/7/2022 (thứ 6);

- Đối với Phương thức 2: từ ngày 22/7/2022 (thứ 6) đến 17g00' ngày 20/8/2022 (thứ 7).

- Điều kiện thí sinh đăng ký dự tuyển và điều kiện xét tuyển:

- Điều kiện thí sinh đăng ký dự tuyển: thực hiện theo quy định tại mục 2.1.1;

- Điều kiện xét tuyển: thí sinh phải thực hiện đúng, đủ, hết quy trình đăng ký xét tuyển; và đăng ký đầy đủ các thông tin dự tuyển theo quy định tại mục 2.1.6 trong thời hạn quy định.

- Cách thức thí sinh đăng ký xét tuyển

- Đối với Phương thức 1:

- + Bước 1: Truy cập vào “Trang xét tuyển trực tuyến” tại địa chỉ: <http://xettuyenk47.hcmulaw.edu.vn>;

- + Bước 2: Chọn “Đăng ký xét tuyển theo Phương thức tuyển sinh riêng trình độ đại học năm 2022”;

- + Bước 3: Khai báo thông tin và đăng ký xét tuyển:

- Bước 3.1: Khai báo thông tin cá nhân;

- Bước 3.2: Chọn đối tượng đăng ký xét tuyển;

- Bước 3.3: Chọn nguyện vọng đăng ký xét tuyển;

- Bước 3.4: Đính kèm hồ sơ và minh chứng;

- Bước 3.5: Nhập mã xác minh và đăng ký hồ sơ;

- Bước 3.6: Đăng nhập vào “Trang xét tuyển trực tuyến” bằng tài khoản được Trường cung cấp qua email để chỉnh sửa thông tin, thay đổi nguyện vọng (nếu có) và xem thông báo kết quả xét tuyển.

- + Bước 4: Đóng lệ phí xét tuyển.

- Đối với Phương thức 2:

- + Thí sinh thực hiện việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia (từ ngày 22/7 đến 17g00' ngày 20/8/2022);

- + Sau khi đăng ký thành công, thí sinh phải xác nhận “số lượng nguyện vọng và thứ tự nguyện vọng” trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đồng thời phải nộp lệ phí theo số lượng nguyện vọng đã đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến (từ ngày 21/8 đến 17g00' ngày 28/8/2022).

c) Công bố kết quả thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (*trừ điều kiện đã tốt nghiệp THPT*); và thí sinh tiếp tục thực hiện việc đăng ký/ xác nhận nguyện vọng trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

● Đối với Phương thức 1:

- Thời hạn công bố kết quả xét đủ điều kiện trúng tuyển (*trừ điều kiện đã tốt nghiệp THPT*): dự kiến chậm nhất là 17g00' ngày **04/7/2022** (thứ 2); riêng đối với thí sinh thuộc diện **đối tượng 1** là đến 17g00' ngày **18/7/2022** (thứ 2);

- Thí sinh được Trường công bố đủ điều kiện trúng tuyển nếu đã tốt nghiệp THPT nhưng chưa thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì **bắt buộc phải** thực hiện việc đăng ký để được cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển. Cụ thể như sau:

+ Thời gian thực hiện: từ ngày 12/7 đến ngày 18/7/2022;

+ Tải mẫu phiếu đăng ký thông tin cá nhân (*có mẫu Phiếu đính kèm Đề án này*) và kê khai thông tin trên phiếu;

+ Nộp phiếu này tại điểm tiếp nhận theo quy định của sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú để nhận thông tin tài khoản, phục vụ công tác đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đăng ký nguyện vọng xét tuyển hoặc xác nhận nhập học trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo (**bắt buộc**):

+ Đối với thí sinh trúng tuyển thuộc diện **đối tượng 1**:

○ Xác nhận nhập học trên Hệ thống: từ ngày 22/7 đến 17g00' ngày 20/8/2022. Thí sinh đã xác nhận nhập học sẽ không được đăng ký nguyện vọng xét tuyển tiếp theo ở các phương thức xét tuyển khác;

○ Trường hợp “chưa xác nhận” nhập học, thí sinh được đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống như các thí sinh khác; nếu trúng tuyển, thí sinh sẽ xác nhận nhập học theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Đối với thí sinh trúng tuyển thuộc diện **đối tượng 2** và **đối tượng 3**: nếu vẫn còn nguyện vọng theo học tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thì để được **công nhận trúng tuyển chính thức**, thí sinh phải:

○ **Tiếp tục thực hiện việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển** đã được Trường thông báo đủ điều kiện trúng tuyển lên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*qua Cổng thông tin tuyển sinh hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia*). Việc đăng ký này **phải đảm bảo đồng bộ dữ liệu** giữa “nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển mà Trường đã công bố” với việc “đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo”;

○ **Và đặt nguyện vọng này ở thứ tự ưu tiên cao nhất** (tức phải đăng ký ở nguyện vọng 1) trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

○ Thời gian thực hiện: từ ngày 22/7/2022 đến 17g00' ngày 20/8/2022.

• Đối với Phương thức 2: điểm trúng tuyển và kết quả thí sinh được xét trúng tuyển được Trường công bố chậm nhất là 17g00' ngày **17/9/2022** (thứ 7).

d) Thời gian và cách thức xác nhận nhập học:

- Thời gian: trước 17g00' ngày 30/9/2022 (thứ 6); riêng đối với thí sinh thuộc diện “xét tuyển thẳng” (**đối tượng 1**) là đến 17g00' ngày 20/8/2022 (thứ 7). Thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định này nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học vào Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;

- Cách thức: tất cả thí sinh trúng tuyển theo Phương thức 1 và Phương thức 2 **đều phải** xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1.8. *Chính sách ưu tiên (tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển)*: thực hiện chính sách ưu tiên (xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển) theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*) và Hướng dẫn số 2598/BGDĐT-GDDH ngày 20/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

2.1.9. *Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển và cách thức thí sinh nộp lệ phí xét tuyển*:

a) Đối với Phương thức 1 (“xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển” và “xét tuyển sớm” theo Đề án tuyển sinh của Trường):

- Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/ nguyện vọng;

- Cách thức nộp lệ phí xét tuyển: nộp tiền trực tuyến qua **Cổng thanh toán trực tuyến VNpay** (có hướng dẫn đính kèm Đề án này).

b) Đối với Phương thức 2 (xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022):

- Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/ nguyện vọng;

- Cách thức nộp lệ phí xét tuyển: theo quy định chung của các trường có tham gia xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

2.1.10. *Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*:

a) Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh là trường đại học công lập thực hiện hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn nên học phí của Người học được Nhà trường xây dựng theo nguyên tắc từng bước tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo. **Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021**, mức thu học phí đối với sinh viên trình độ đại học được thu theo lộ trình được quy định tại Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 18/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh;

b) Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và với mục tiêu nhanh chóng đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng đào tạo, tiếp cận nền giáo dục đại học của các

nước phát triển trong khu vực, Nhà trường đã xây dựng Đề án học phí của ***năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo*** và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, nhằm đảm bảo đủ nguồn lực để đạt được mục tiêu vừa nêu, mức thu học phí đối với sinh viên chính quy trình độ đại học cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Khóa 47 (Khóa tuyển sinh năm 2022)	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
1.	Hệ đại trà ngành: Luật, Luật Thương mại quốc tế, Quản trị kinh doanh	31.250.000	35.250.000	39.750.000	44.750.000
2.	Hệ đại trà ngành Quản trị - Luật	37.080.000	41.830.000	47.170.000	53.100.000
3.	Hệ đại trà ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý	39.000.000	48.750.000	54.930.000	62.080.000
4.	Hệ chất lượng cao ngành: Luật, Quản trị kinh doanh	62.500.000	70.500.000	79.500.000	89.500.000
5.	Hệ chất lượng cao ngành Quản trị - Luật	74.160.000	83.660.000	94.340.000	106.200.000
6.	Hệ chất lượng cao ngành Luật, giảng dạy bằng tiếng Anh	165.000.000	181.500.000	199.700.000	219.700.000

2.1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

a) Đối với tuyển sinh đợt 1 đào tạo chính quy: thực hiện theo quy định tại mục 2.1.7 và theo lịch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Đối với tuyển sinh các đợt bổ sung đào tạo chính quy (nếu có): các thông tin về chỉ tiêu; mã ngành và tên ngành; mã phương thức và tên phương thức; mã tổ hợp và tên tổ hợp xét tuyển bổ sung sẽ được Trường thông báo tại thời điểm xét tuyển của từng đợt xét tuyển bổ sung.

2.1.12. Việc trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

2.1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước:

a) Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo: **không**;

b) Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành): **không**.

2.1.14. Tài chính:

a) Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của Trường: **276.248.000.000đ**;

b) Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: **16.000.000đ/ sinh viên**.

2.1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): không.

2.2. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học đối với đối tượng đã tốt nghiệp trình độ đại học

2.2.1. *Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:* người đã có bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy ở tất cả các ngành/ nhóm ngành ở trong nước hoặc nước ngoài (văn bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định về thẩm quyền công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trường hợp chưa có bằng tốt nghiệp đại học thì thí sinh phải có Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày cấp) và Giấy cam kết về thời gian nộp bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy (thí sinh tự làm đơn).

2.2.2. Phạm vi tuyển sinh:

- Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại mục 2.2.1;
- Tuyển sinh ngành Luật theo phương thức xét tuyển hoặc thi tuyển.

2.2.3. *Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):*

- Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy, khi có số lượng thí sinh tham gia dự tuyển **không vượt quá** chỉ tiêu của đợt tuyển sinh đó;
- Hoặc thi tuyển:
 - + Khi có số lượng thí sinh tham gia dự tuyển **vượt quá** chỉ tiêu của đợt tuyển sinh đó;
 - + Môn thi tuyển, thời gian tổ chức ôn tập và thời gian tổ chức thi tuyển,... sẽ được Trường thông báo tại thời điểm tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

2.2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):*

Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	7380101	Luật	501	Thi tuyển; hoặc xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học khi có số lượng thí sinh dự tuyển không vượt quá chỉ tiêu của đợt tuyển sinh đó.	300	1670 ^A / QĐ- ĐHL	24/11/ 2017	Trường tự chủ ban hành	2009

2.2.5. *Ngưỡng đầu vào*: thí sinh đã đạt trình độ đại học hình thức chính quy ở trong nước hoặc nước ngoài.

2.2.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường*: thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại thời điểm thông báo tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

2.2.7. *Tổ chức tuyển sinh (thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo)*:

a) Thành phần hồ sơ thí sinh phải chuẩn bị:

- Một “phiếu đăng ký tuyển sinh” (*thí sinh tải mẫu tại địa chỉ: <https://daotao.hcmulaw.edu.vn>, chọn mục “Văn bản”/ “Hồ sơ tuyển sinh VB2CQ”*);

- Một “phiếu quản lý hồ sơ thí sinh dự tuyển” (*thí sinh tải mẫu tại địa chỉ: <https://daotao.hcmulaw.edu.vn>, chọn mục “Văn bản”/ “Hồ sơ tuyển sinh VB2CQ”*);

- Một bản sao (*có công chứng hoặc chứng thực*) văn bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy hoặc bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và Giấy cam kết. Riêng đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp sẽ phải nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực: (i) Giấy công nhận văn bằng tốt nghiệp đại học của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo; và (ii) Bản dịch (*gồm văn bằng và bảng điểm học tập*) từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

- Một bản sao (*có công chứng hoặc chứng thực*) bảng điểm học tập (*phù hợp với văn bằng hoặc giấy chứng nhận nêu trên*);

- Một bản sao (*có công chứng hoặc chứng thực*) Giấy khai sinh hoặc Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân;

- Hai ảnh 2x3 và hai ảnh 3x4 trong thời hạn 6 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký tuyển sinh.

b) Điều kiện nhận hồ sơ và cách thức thí sinh đăng ký tuyển sinh:

● Điều kiện: thí sinh phải có đủ hồ sơ theo quy định tại mục 2.2.1.a;

● Cách thức và hình thức thí sinh đăng ký tuyển sinh:

- Bước 1 (*kê khai thông tin tuyển sinh*): thí sinh kê khai thông tin đăng ký tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến (*online*) tại địa chỉ: <https://forms.gle/P9Wf1cyiU8pKWQ6Q7>;

- Bước 2 (*nộp hồ sơ đăng ký tuyển sinh*): thí sinh nộp hồ sơ đăng ký tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp tại Phòng Đào tạo - Phòng A.102, cơ sở Nguyễn Tất Thành (*địa chỉ: số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh*);

- Bước 3 (*nộp chi phí tuyển sinh*): nộp tại các phòng giao dịch hoặc chuyển khoản từ các ngân hàng hoặc nộp trực tiếp tại Phòng Thủ quỹ của Trường.

c) Tổ chức tuyển sinh: việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Trường và theo Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường.

2.2.8. *Chính sách ưu tiên (xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển): không.*

2.2.9. *Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển:*

a) *Lệ phí tuyển sinh:*

- *Lệ phí xét tuyển (tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, xét duyệt hồ sơ và các chi phí khác): 600.000đ/ hồ sơ/ thí sinh;*

- *Lệ phí thi tuyển (tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, kiểm tra hồ sơ dự thi, đăng ký dự thi, chi phí ôn tập, chi phí tổ chức thi và các chi phí khác): 1.500.000đ/ hồ sơ/ thí sinh.*

b) *Cách thức nộp lệ phí tuyển sinh:*

- *Cách 1: nộp tiền mặt tại các phòng giao dịch hoặc chuyển khoản từ các ngân hàng cho Trường theo thông tin sau:*

+ *Đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;*

+ *Số tài khoản: 1900201447071;*

+ *Tên ngân hàng: Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn;*

+ *Số tiền: 1.500.000đ (trong trường hợp thi tuyển) hoặc 600.000đ (trong trường hợp xét tuyển);*

+ *Nội dung: [Số CCCD/CMND # Họ và tên thí sinh # K14B2CQ # Đóng lệ phí tuyển sinh] (thí sinh ghi nội dung chuyển tiền không có dấu, với cú pháp và thông tin chính xác, đầy đủ theo hướng dẫn).*

- *Cách 2: nộp tiền mặt trực tiếp tại Phòng Thủ quỹ - Phòng B.105A, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4 (sáng từ 8g00' đến 11g00', chiều từ 13g30' đến 16g30' vào các ngày làm việc trong tuần).*

2.2.10. *Học phí dự kiến đối với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):*

Đơn vị tính: VNĐ

Năm học	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Hệ chính quy đại trà trình độ đại học ngành Luật đối với đối tượng đã tốt nghiệp trình độ đại học	36.560.000	41.240.000	46.510.000	52.360.000

2.2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: dự kiến tuyển tối đa 3 đợt trong năm 2022:

- Đợt 1: vào tháng 5 và tháng 6;
- Đợt 2: vào tháng 8 và tháng 9;
- Đợt 3: vào tháng 11 và tháng 12.

2.2.12. Việc Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

2.2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): **không**.

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học (thực hiện theo mẫu số 01): Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học trên trang thông tin điện tử của Trường: <https://tuyensinh.hcmulaw.edu.vn/he-vua-lam-vua-hoc>.

3.1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối với đối tượng tốt nghiệp THPT

3.1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

Thực hiện theo Điều 5 của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), theo đó điều kiện để thí sinh dự tuyển là:

- (i) Đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- (ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- (iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3.1.2. Phạm vi tuyển sinh:

- Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại mục 3.1.1;
- Tuyển sinh ngành Luật theo phương thức xét tuyển.

3.1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Thi tuyển	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ)	Kết hợp thi tuyển với xét tuyển
1.	Năm 2020		x	
2.	Năm 2021		x	

3.1.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):*

Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo vừa làm vừa học	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	7380101	Luật	502	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) theo Đề án của Trường	Bằng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của nhóm ngành Luật (gồm ngành Luật và ngành Luật Thương mại quốc tế). Trong đó: dành 60% tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT.	1670 ^A / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1996

3.1.5. *Ngưỡng đầu vào:* thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*), Hướng dẫn số 2598/BGDĐT-GDDH ngày 20/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường;

3.1.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:* thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại thời điểm thông báo tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

3.1.7. *Tổ chức tuyển sinh (thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo):*

a) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);

- Hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (*trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành*);

- Hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (*đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam*) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

b) Tổ chức tuyển sinh: việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (*ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*), Hướng dẫn số 2598/BGDĐT-GDDH ngày 20/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường;

3.1.8. *Chính sách ưu tiên*: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1.9. *Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển (tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, xét duyệt hồ sơ và các chi phí khác)*: 600.000đ/ hồ sơ/ thí sinh.

3.1.10. *Học phí dự kiến đối với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*:

Đơn vị tính: VNĐ

Năm học	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Hệ vừa làm vừa học trình độ đại học ngành Luật đối với đối tượng đã tốt nghiệp THPT	46.880.000	52.880.000	59.630.000	67.130.000

3.1.11. *Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm*:

- a) Đợt 1: vào tháng 3 và tháng 4;
- b) Đợt 2: vào tháng 7 và tháng 8.

3.1.12. *Việc Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro*: Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

3.1.13. *Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)*: **không**.

3.2. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối với đối tượng đã tốt nghiệp trình độ đại học

3.2.1. *Đối tượng, điều kiện tuyển sinh*: người đã có bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học ở tất cả các ngành/ nhóm ngành ở trong nước hoặc nước ngoài (*văn bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định về thẩm quyền công nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo*). Trường hợp chưa có bằng tốt nghiệp đại học thì thí sinh phải có Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (*trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày cấp*) và Giấy cam kết về thời gian nộp bằng tốt nghiệp đại học (*thí sinh tự làm đơn*).

3.2.2. Phạm vi tuyển sinh:

- Tuyển sinh trong cả nước đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định tại mục 3.2.1;

- Tuyển sinh ngành Luật theo phương thức xét tuyển.

3.2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Stt	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh		
		Thi tuyển	Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học	Kết hợp thi tuyển với xét tuyển
1.	Năm 2020		x	
2.	Năm 2021		x	

3.2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh (chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo):

Stt	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo vừa làm vừa học	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1.	7380101	Luật	503	Xét tuyển dựa vào bằng tốt nghiệp đại học hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học theo Đề án của Trường	Bằng 30% chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo chính quy của nhóm ngành Luật (gồm ngành Luật và ngành Luật Thương mại quốc tế). Trong đó: dành 40% tuyển thí sinh tốt nghiệp đại học.	1670 ^A / QĐ-ĐHL	24/11/2017	Trường tự chủ ban hành	1996

3.2.5. Ngưỡng đầu vào: thí sinh đã đạt trình độ đại học hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học ở trong nước hoặc nước ngoài.

3.2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: thí sinh thực hiện theo hướng dẫn tại thời điểm thông báo tuyển sinh của từng đợt tuyển sinh.

3.2.7. Tổ chức tuyển sinh (thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/ thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối với từng ngành đào tạo):

a) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển:

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp hình thức chính quy hoặc vừa làm vừa học của một trường đại học khác ở trong nước hoặc nước ngoài (hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và Giấy cam kết về thời gian nộp bằng tốt nghiệp đại học, trong trường hợp chưa có bằng tốt nghiệp đại học);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

b) Tổ chức tuyển sinh: việc tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Trường và theo Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường.

3.2.8. Chính sách ưu tiên: **không**.

3.2.9. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển (tiếp nhận hồ sơ, nhập dữ liệu, xét duyệt hồ sơ và các chi phí khác): 600.000đ/ hồ sơ/ thí sinh.

3.2.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

Đơn vị tính: VNĐ

Năm học	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
Hệ vừa làm vừa học trình độ đại học ngành Luật đối với đối tượng đã tốt nghiệp trình độ đại học	46.880.000	52.880.000	59.630.000	67.130.000

3.2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

a) Đợt 1: vào tháng 3 và tháng 4;

b) Đợt 2: vào tháng 7 và tháng 8.

3.2.12. Việc Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Trường cam kết đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ tất cả các quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đảm bảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của thí sinh khi tham gia dự tuyển vào Trường.

3.2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): **không**.

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa (thực hiện theo mẫu số 02): tính đến thời điểm xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2022, Trường chưa được cấp có thẩm quyền cho phép tuyển sinh và đào tạo đối với hình thức từ xa.

Cán bộ kê khai
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ,
địa chỉ Email)

TP. Hồ Chí Minh, ngày **21 tháng 6 năm 2022**
HIỆU TRƯỞNG

- Ông Lê Văn Hiến

+ Điện thoại: 093.418.1939;

+ Email: lvhien@hcmulaw.edu.vn.

- Ông Đoàn Việt Hùng

+ Điện thoại: 090.383.8647

+ Email: dvhung@hcmulaw.edu.vn.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);

- Lưu: Văn thư, Đào tạo.